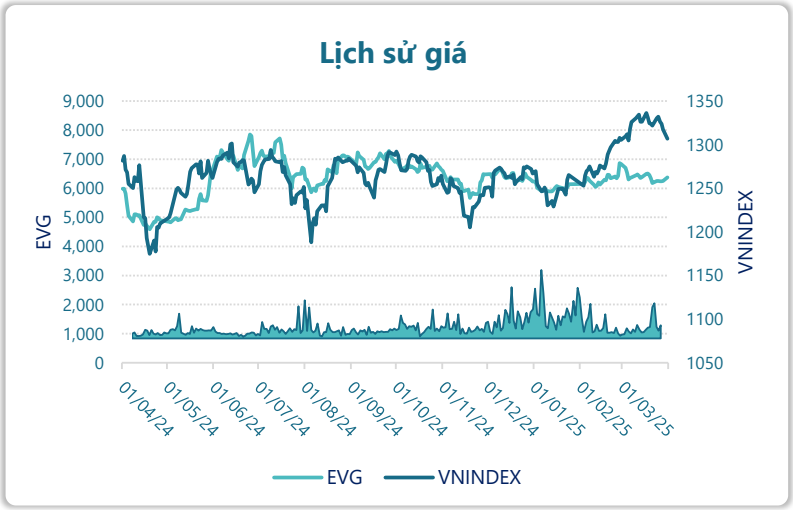
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,370**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,590
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	883,490
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,371
P/E	30.3
EPS	210

DT thuần

Q1/25

192

tỷ VNĐ

QoQ: ▼38.0| -16.6%

YoY: ▲ 49.0| 34.1%

LN sau thuế

Q1/25

11.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.53| 92.1%

YoY: ▲ 4.96| 75.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.3%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

2024

1,193

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103| 9.4%

LN sau thuế

2024

33.7

tỷ VNĐ

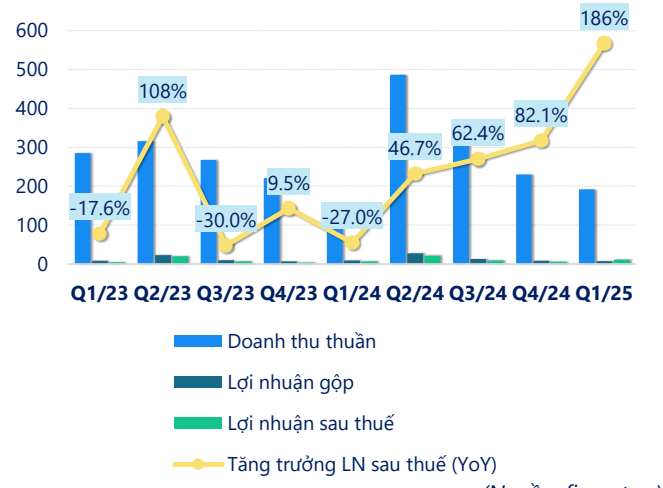
YoY: ▲ 2.30| 7.4%

ROE

2024

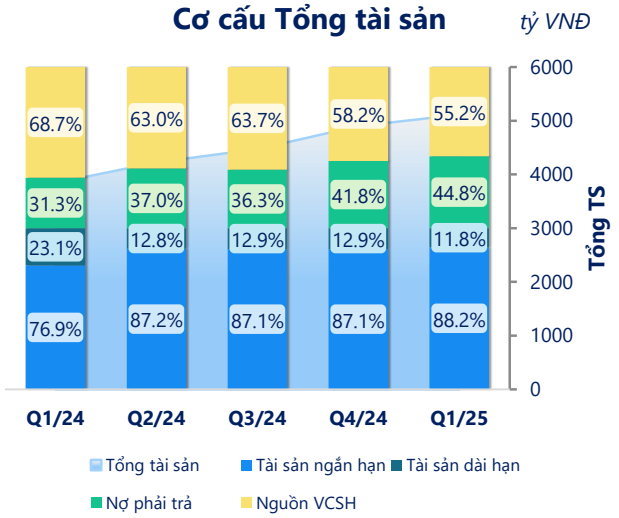
1.2%

Kết quả kinh doanh



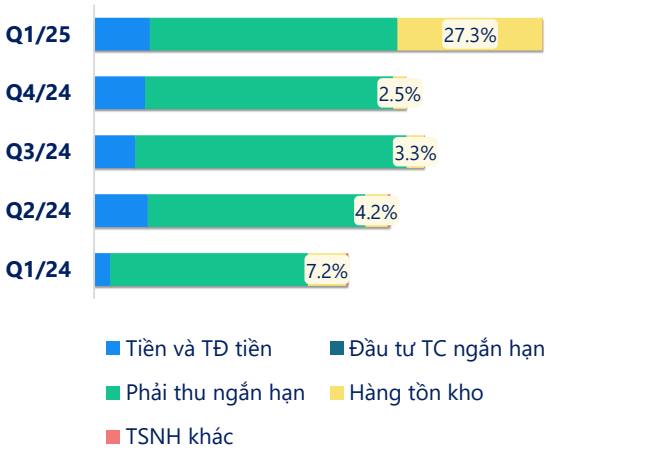
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



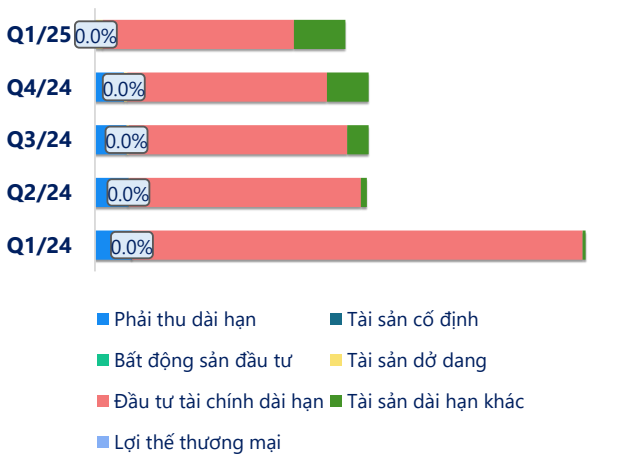
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



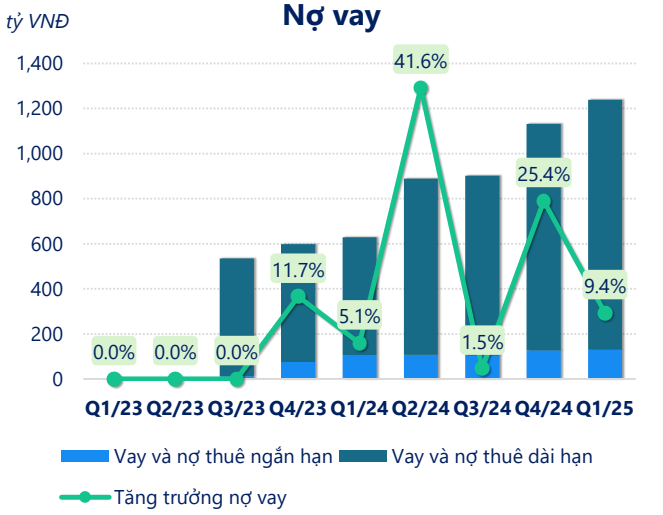
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



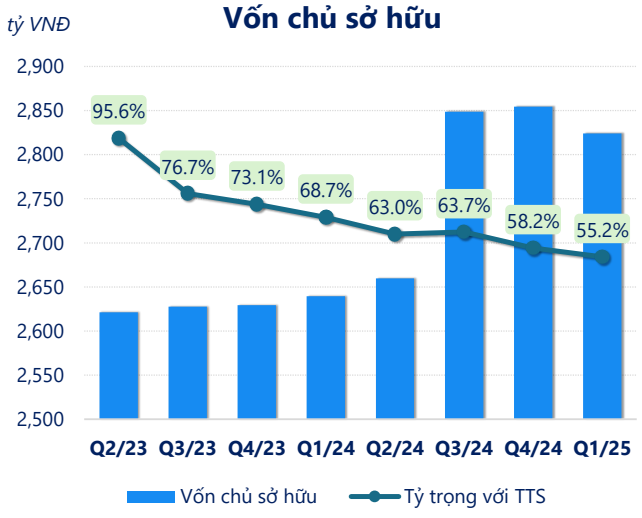
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



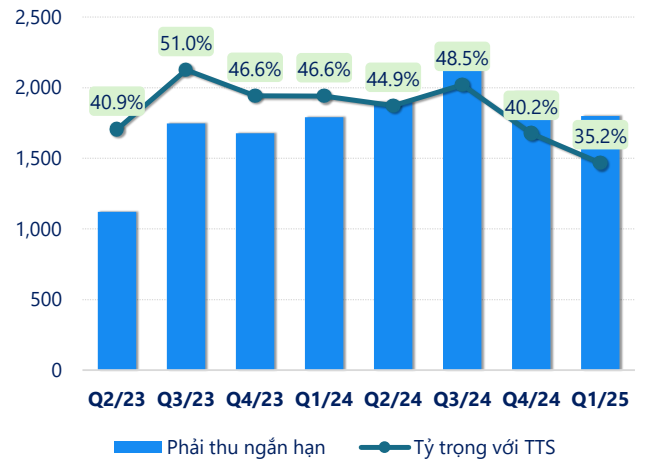
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



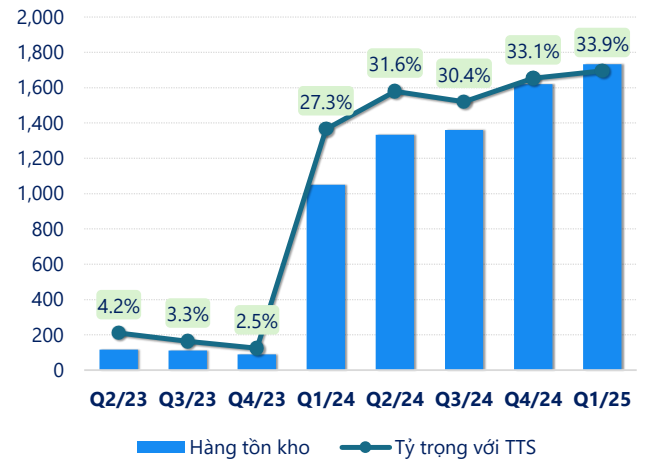
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



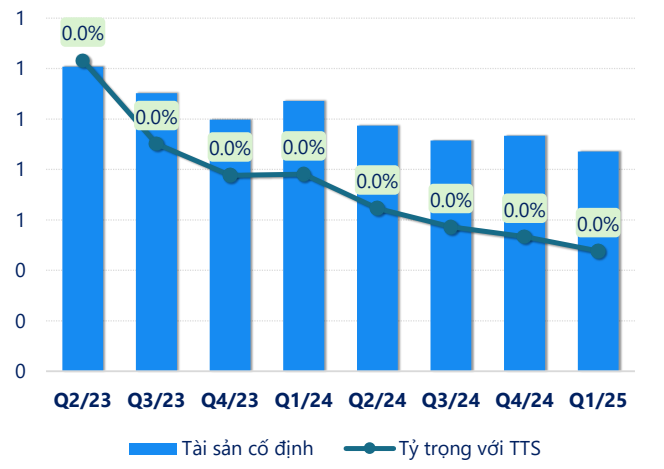
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



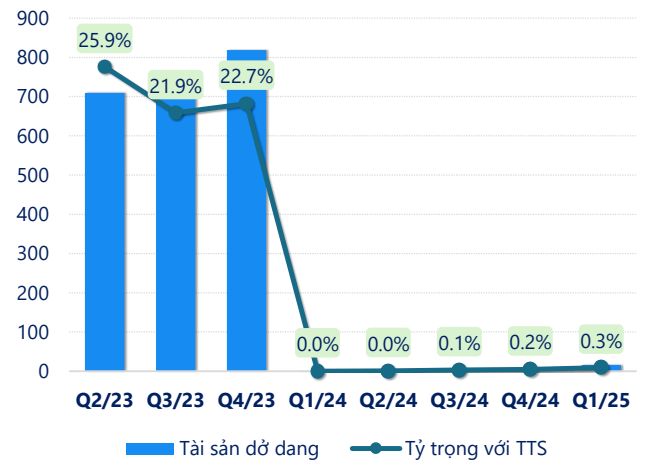
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



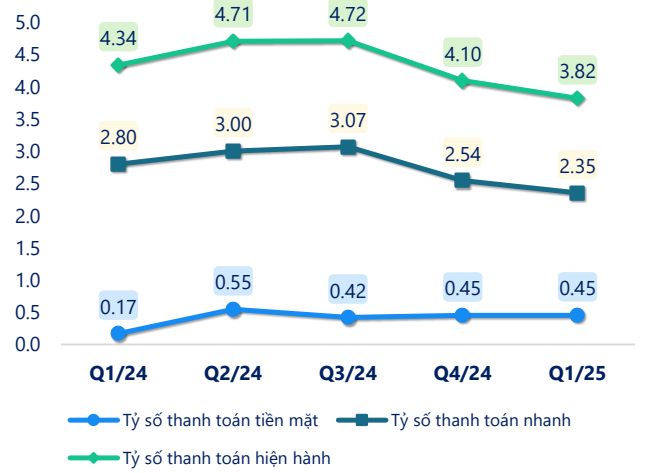
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



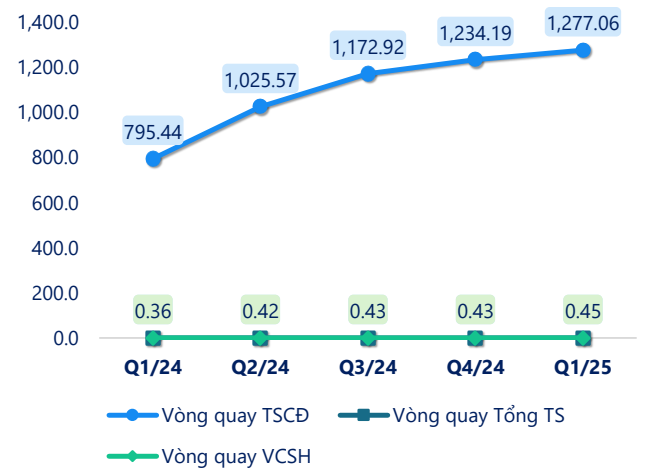
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**3,844**	**4,223**	**4,475**	**4,901**	**5,113**
Tài sản ngắn hạn	**2,957**	**3,683**	**3,899**	**4,270**	**4,511**
Tiền và tương đương tiền	116	428	348	471	536
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	14.0	14.0	194	418
Phải thu ngắn hạn	1,790	1,898	2,170	1,969	1,799
Hàng tồn kho	1,050	1,334	1,361	1,620	1,733
Tài sản ngắn hạn khác	1.81	10.2	6.23	16.5	23.9
Tài sản dài hạn	**887**	**540**	**576**	**630**	**602**
Phải thu dài hạn	66.3	66.0	66.0	66.0	1.76
Tài sản cố định	1.07	0.97	0.91	0.93	0.87
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.15	1.58	4.44	7.85	16.1
Đầu tư tài chính dài hạn	814	460	460	460	460
Tài sản dài hạn khác	5.54	12.0	45.1	96.1	124
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,205**	**1,564**	**1,626**	**2,046**	**2,289**
Nợ ngắn hạn	**681**	**782**	**827**	**1,042**	**1,180**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	105	107	103	127	129
Phải trả người bán ngắn hạn	238	222	179	221	220
Nợ dài hạn	523	782	800	1,005	1,109
Vay và nợ thuê dài hạn	523	782	799	1,005	1,109
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,639**	**2,660**	**2,849**	**2,854**	**2,824**
Vốn chủ sở hữu	**2,639**	**2,660**	**2,849**	**2,854**	**2,824**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	2,152	2,152	2,152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)